

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

LỰC LƯỢNG TRUYỀN GIÁO CỦA ĐẠO TIN LÀNH Ở TRUNG QUỐC (GIAI ĐOẠN TRƯỚC CÁCH MẠNG VĂN HÓA)

(Phần cuối)

VŨ THỊ THU HA^{*}

2.2. Hệ thống các hội đoàn truyền giáo nước Mỹ

Hội Truyền giáo nước Mỹ

Hội Truyền giáo nước Mỹ hay còn gọi là Giáo đoàn Truyền giáo nước Mỹ sau năm 1842 đã phái một lượng lớn các giáo sĩ truyền giáo đến Trung Quốc thành lập địa hạt Quảng Châu, Hoa Nam, Hạ Môn, Phúc Châu, Thượng Hải, Hoa Bắc và Sơn Tây.

Địa hạt Quảng Châu do giáo sĩ Elijah Coleman Bridgman, David Abecl, William Samuel Wells và Peter Parker sáng lập, đã từng xây dựng chi hội ở Quảng Châu và Hồng Kông, quản lý các nhóm ở Phật Sơn, Tân Hội, Tân Ninh, Khai Bình, Quảng Hải, Hương Sơn, v.v.. Các giáo sĩ Dyer Ball và James Grander Bridgman cũng đến Trung Quốc truyền giáo vào thời gian này. Năm 1866, Hội Truyền giáo nước Mỹ ngừng truyền giáo tại Quảng Châu một thời gian. Năm 1883, Charles Robert Hager khôi phục hoạt động truyền giáo của Hội này tại Quảng Châu, xây dựng địa hạt Hoa Nam gồm chi hội Quảng Châu và chi hội Hồng Kông cùng với cơ cấu phân nhánh của địa hạt này. Giáo sĩ Charles Robert Hager đã từng làm lễ Baptem cho Tống Mẫn Lâm, Lục Trung Quế, Đường Hùng

và Tôn Trung Sơn, v.v. Sau đó đến trợ giúp công việc mục vụ ở địa hạt Hoa Nam còn có giáo sĩ Taylor, Charles R. Mills, v.v. Truyền đạo người Hoa có: Phương Lai Trường, Trương Tùy Thành, Tăng Quang Minh, Lê Anh Kỳ, Nhiệm Tác Quân, Triệu Triết, Lương Văn Thọ, Hoàng Trạch Sinh. Do các chức sắc người Hoa tăng lên nên địa hạt Hoa Nam được chuyển sang cho Hội Truyền đạo Giáo đoàn Quảng Đông phụ trách, không thuộc địa hạt của Hội Truyền giáo nước Mỹ nữa.

Địa hạt Hạ Môn do giáo sĩ David Abecl sáng lập năm 1843. Sau đó có các giáo sĩ Elihu Doty, William John Pohlman, John Van Nest Talmage đến truyền giáo. Năm 1857, Hội Truyền giáo nước Mỹ giao địa hạt Hạ Môn cho Hội Thánh Tin Lành Chính giáo thuộc Mỹ phụ trách.

Địa hạt Phúc Châu bao gồm các chi hội: Bảo Phúc Sơn ngoại thành Phúc Châu, Nội Thành Phúc Châu, Lạc Tĩnh Tháp, Trường Lạc Huyện, Vinh Phúc Huyện và Thiệu Vũ Phủ. Bắt đầu từ năm 1847 Stephan Johnson đến Phúc Châu

^{*} ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo

truyền giáo. sau đó có các giáo sĩ: Layman Birt Peet, Seneca Cummings, Caleb Cook Baldwin, William Richards, Justs Doolittle, Charles Hartwell, Osgood.

Địa hạt Thượng Hải do giáo sĩ Elijah Coleman Bridgman sáng lập. Ông đến Thượng Hải truyền giáo năm 1847. cùng đi với ông có giáo sĩ Henry Blodget. Năm 1863, các giáo sĩ này triển khai việc mở địa hạt Hoa Bắc. Năm 1860 Henry Blodget đến Thiên Tân, sau đó các giáo sĩ: Charles A. Stanley, Chauncey Goodrich, Goerge Durand Wilder, John Thomas Gulick, Mark Williams, Issac Pierson, A. O. Treat, A. H. Smith, Herny D. Porter, v.v đến đây truyền giáo, mở ra một địa hạt lớn nhất Trung Hoa của Hội Truyền giáo nước Mỹ. Địa hạt này lúc đầu có 7 chi hội là: Thiên Tân, Bắc Kinh, Trương Gia Khẩu, Thông Châu, Bảo Định, Sơn Đông Long Gia Trang và Lâm Thanh, đến năm 1934 phát triển thành 9 chi hội là: Thượng Hải, Thiên Tân, Bắc Kinh, Thông Huyện, Bảo Định, Sơn Tây Thái Cốc, Phần Dương, Sơn Đông Đức Châu và Lâm Thanh. Truyền đạo người Hoa gồm có: Trang Nhã Minh, Mạnh Triết Tân, Vương Văn Trị, Cổ Miên Chương, Nhiệm Thọ Cổ, Lý Đức Toàn, Trương Hoàng Thu, Trương Tâm Từ, Quán Ngọc Chấn, Mã Thế Trân, v.v

Địa hạt Sơn Tây được xây dựng năm 1881, sau đó sáp nhập vào địa hạt Hoa Bắc. Các giáo sĩ M. L. Stimson, Atwood, Tenney, Cady, v.v đến đây truyền giáo và xây dựng được hai chi hội là Thái Cốc và Phần Châu. Truyền đạo người Hoa gồm: Thành Bộ Vân, Diển Bản, Đặng Sư Thành, Thành Thị Diển, v.v

Hội Thánh Tin Lành Baptist Mỹ

Năm 1845, Hội Thánh Tin Lành Baptist Mỹ phân thành Hội Thánh Tin Lành Baptist Bắc Mỹ và Hội Thánh Tin Lành Baptist Nam Mỹ, cả hai Hội Thánh này đều cử giáo sĩ đồn Trung Quốc truyền giáo.

Hội Thánh Baptist Bắc Mỹ lần lượt xây dựng 4 địa hạt tại Trung Quốc là: Hoa Nam, Hoa Đông, Hoa Tây và Hoa Trung. Địa hạt Hoa Nam gồm các chi hội: Hồng Kông, Sơn Đầu, Gia Ứng, Hoàng Cương, Triệu Châu, Yết Dương, Triệu Dương, Hà Bà, Trường Ninh, Phan Ngu, do hai giáo sĩ William Ashmore và G. E. Whiteman phụ trách mục vụ. Các giáo sĩ người Hoa gồm: Trần Hạ Hoành, La Tích Cúc, Từ Quốc Lương, Lâm Từ Phong, Ông Trọng Tín, Trần Can Thần, La Dật Tài, Trung Quốc Hoa, La Thị Dân, v.v Địa hạt Hoa Đông gồm các chi hội: Ninh Ba, Hàng Châu, Thiệu Dương, Kim Hoa, Hồ Châu, Thượng Hải, Nam Kinh. Các giáo sĩ truyền giáo gồm: Daniel Jerome Malgowan, Edward Clemens Lord, M. J. Knowlton, J. R. Goddard. Các giáo sĩ người Hoa có: Ô Chí Kiên, Bào Triết Khánh, Nghiêm Kỳ Phú, Bào Triết Khanh, v.v Địa hạt Hoa Tây gồm các chi hội: Tự Phủ, Gia Định, Nhã Châu, Ninh Viễn, Thành Đô. Giáo sĩ người Hoa có: Lưu Hoan Đình, Bùi Tông Chi, Hồ Kinh Bá, v.v Địa hạt Hoa Trung có chi hội Hán Dương và chịu trách nhiệm phụ trách công việc mục vụ ở Hồ Bắc và Hồ Nam. Năm 1917 Hội Thánh Tin Lành Baptist Bắc Mỹ bỏ địa hạt Hoa Trung để tăng cường hoạt động truyền giáo ở Tứ Xuyên.

Hội Thánh Tin Lành Baptist Nam Mỹ lần lượt xây dựng 5 địa hạt gồm: Hoa Nam, Hoa Trung, Hoa Bắc, Hoa Nội và Bắc Hải Quảng Đông. Địa hạt Hoa Nam bao gồm Quảng Đông và Quảng Tây, ban

dầu do giáo sĩ John Lewis Shuck và Issachar Jacob Roberts dẫn hoạt động truyền giáo, tiếp theo đó có các giáo sĩ: Samuel Cornelius Clopton, George Pearci, Francis Cleveland Johnson, B. B. W. Whilden, Rosewell H. Graves, Robert E. Chambers, v.v. Các giáo sĩ đã xây dựng được các chi hội sau: Ma Cao, Hồng Kông, Quảng Châu, Triệu Khánh, Ngô Châu, Thiệu Châu, Anh Đức, Quế Lâm, Giang Môn, Bắc Hải, Huế Châu. Địa hạt Hoa Trung còn gọi là địa hạt Giang Tô, do giáo sĩ Mathew Tyson Yates sáng lập năm 1847, sau đó có các giáo sĩ: George Lcsfu, Heinrich Julius Holtzmann, Josse Bourdman Hartwell, R. T. Brayan, D. W. Herring, v.v. đến đây truyền giáo. Các giáo sĩ lấy Thượng Hải làm trung tâm, sau đó phát triển ra các chi hội: Tô Châu, Trấn Giang, Dương Châu, Vô Tích, Côn Sơn. Các giáo sĩ người Hoa gồm: Hoàng Phẩm Tam, Hoàng ích Tam, Hoàng Hoàn Sơn, Tăng Thiệu Hiến, v.v. Địa hạt Hoa Bắc được bắt đầu xây dựng từ năm 1860, khi giáo sĩ Heinrich Julius Holtzmann đến hoạt động truyền giáo ở Yên Thái. Các giáo sĩ cùng tham gia truyền giáo còn có: Jesse Bourdman Hartwell, Lottie Moon, T. W. Ayers, Stephens Poyton, E. L. Morgan, v.v. Họ đã xây dựng được những chi hội sau: Yên Thái, Đặng Châu, Hoàng Huyện, Bình Độ, Lai Châu, Thanh Đảo, Đại Liên, Lai Dương, Tế Nam, Tế Ninh và Cáp Nhĩ Tân. Các giáo sĩ người Hoa gồm: Lý Thọ Đình, Dương Mỹ Trai, Thích Đại Bảo... Hội Thánh này đã từng xây dựng Viện Thần học Hội Thánh Tin Lành Baptist Hoa Bắc và Bộ Truyền giáo Liên hội Tin Lành Baptist Hoa Bắc. Địa hạt Hoa Nội chỉ 2 tỉnh Hà Nam và An Huy, do giáo sĩ W. Eugene Sallee sáng lập năm 1904, bao gồm: Trịnh Châu, Khai

Phong, Bắc Châu, Quy Đức. Các giáo sĩ người Hoa gồm: Trương Học Đạo, Trùng Ân Minh, Phạm Tích Linh, Ngụy Đạo Trung, v.v. Địa hạt Bắc Hải Quảng Đông chủ yếu chỉ chi hội Bắc Hải sáng lập năm 1910. Ngoài ra, năm 1892 sau khi George Lesfu tách khỏi Hội Thánh Tin Lành Baptist Nam Mỹ đã thành lập Hội Truyền đạo Baptist Nam Mỹ hay còn gọi là Đoàn bố đạo Thái An Hội Thánh Tin Lành Baptist, xây dựng chi hội tại Thái An (Sơn Đông), Tế Ninh, Quy Đức (Hà Nam), Bắc Châu phía bắc tỉnh An Huy, Vinh Thành và Lộc Ấp. Cùng đến đây truyền giáo còn có các giáo sĩ: G. P. Bostick, T. J. League, T. L. Blalock, r. M. Royall, W. E. Crocker, W. D. King, Fannie Knight, v.v..

Giáo hội Anh giáo nước Mỹ

Giáo hội Anh giáo nước Mỹ được giáo sĩ William Jones Boone truyền vào Trung Quốc năm 1842, xây dựng được 3 địa hạt truyền giáo là: Thượng Hải, Hán Khẩu và An Khánh.

Địa hạt Thượng Hải tức là địa hạt Giang Tô bao gồm các chi hội: Thượng Hải, Giang Loan, Gia Định, Thường Thục, Vô Tích, Thanh Phố, Tô Châu, Dương Châu, Nam Kinh, Bào Ứng. Năm 1844 William Jones Boone thôi chức Hội trưởng, những hội trưởng tiếp theo là: C. M. Williams, S. I. J. Schereschewsky, F. R. Graves, v.v. Năm 1879, giáo sĩ S. I. J. Schereschewsky sáng lập Thư viện Thánh John tại Thượng Hải, đó chính là tiền thân của Đại học Thánh John.

Địa hạt Hán Khẩu tức là địa hạt Ngạc Tương, gồm các chi hội: Hán Khẩu, Vũ Xương thành lập năm 1868 và các chi hội: Sa Thị, Nghi Xương thành lập năm 1886. Lúc đầu các chi hội này thuộc địa

hạt Thượng Hải, đến năm 1901 thì tách ra thành địa hạt Hán Khẩu.

Địa hạt An Khánh gồm các chi hội ở Giang Tây, An Huy, Vô Tích, An Khánh, Cửu Giang, Cổ Lĩnh, Nam Xương. Lúc đầu địa hạt An Khánh thuộc sự quản lí của địa hạt Thượng Hải, đến năm 1910 tách ra thành lập địa hạt An Khánh độc lập.

Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão nước Mỹ

Năm 1842, Walter Macon Lowrie, giáo sĩ truyền giáo của Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Bắc Mỹ, đến Ma Cao và Hồng Kông, giáo sĩ Thomas L. Macbruyde đến đảo Cổ Lăng rồi từ đó tìm đường vào Trung Quốc lục địa. Tiếp theo đó các giáo sĩ truyền giáo của Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Bắc Mỹ đã đến hoạt động ở Ninh Ba, Hàng Châu, Thượng Hải, Quế Lâm, Hoành Châu, Yên Thái, Bắc Kinh và lần lượt xây dựng các địa hạt: Hoa Trung, Quảng Châu, Sơn Đông, Bắc Kinh, Giang An, Hải Nam và Hồ Nam. Địa hạt Hoa Trung bắt đầu từ hoạt động truyền giáo của giáo sĩ Walter Macon Lowrie và Davie B. McCartee ở Ninh Ba năm 1844, sau đó thành lập các chi hội: Ninh Ba, Thượng Hải, Hàng Châu, Tô Châu, v.v. Các giáo sĩ đến truyền giáo ở địa hạt này bao gồm: Michael Simpson Culbertson, Richard Quarterman Way, Richard Cole, Augustus Ward Loomis, William Alexander Parsons Martin, John Livingstone Nevius, Elias B. Inslee, William Morrison, J. L. Nevius, John Wherry, v.v.. Những tín hữu người Hoa nổi tiếng của Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão ở địa hạt này bao gồm: Châu Diên Mật, Chương Tinh Vân, Nghiêm Lễ Dư, Bào Triết Hoa, Lộ Âm Đường, v.v...

Địa hạt Quảng Châu được thiết lập năm 1844, bắt đầu từ hoạt động truyền giáo của các giáo sĩ: Andrew Patton Happer, John Lloyd, A. W. Loomis, M. S. Culbertson. Họ lần lượt thành lập các chi hội: Quảng Châu, Ma Cao, Dương Giang, Liên Châu, Thạch Long, Cao Châu. Giáo sĩ Andrew P. Happer đã từng khởi xướng thành lập Thư viện Cách Trí, chính là tiền thân của trường Đại học Linh Nam. Cùng đến đây truyền giáo còn có các giáo sĩ: John Booth French, W. Spee, Ira Miller Condit, John Glasgow Kerr, Charles Finney Preston, v.v. Những tín hữu người Hoa nổi tiếng đại diện cho địa hạt này gồm có: Lâm Thông, Quảng Lộc, Chung Vinh Quang, Lý Anh Lâm, Lương Tiêu Phiến, Lý Huệ Dân, v.v.

Địa hạt Sơn Đông do giáo sĩ John Livingston Nevius sáng lập năm 1861, tiếp theo có các giáo sĩ: Charles Rogers Mills, Calvin Wilson Mateer, Hunter Corbett, Haus, J. S. McIlvaine, J. F. Crossette, Gilbert Reid đến truyền giáo ở khu vực này. Họ thành lập các chi hội: Đãng Châu, Yên Thái, Tế Nam, Duy Huyện, Nghi Châu, Tế Ninh, Thanh Đảo, Nghi Huyện, Thắng Huyện. Tín hữu người Hoa nổi tiếng gồm: Tào Thái Hoa, Lâm Chư Đường, Lưu Thọ Sơn, Vương Hoan Chương.

Địa hạt Bắc Kinh còn gọi là địa hạt Hoa Bắc bao gồm các chi hội: Bắc Kinh, Bảo Định, Thuận Đức, Thông Châu. Địa hạt này do giáo sĩ W. A. P. Martin mở mang phát triển năm 1863, năm 1866 thành lập cơ sở Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão đầu tiên tại Bắc Kinh. Các giáo sĩ truyền giáo của địa hạt này gồm: J. S. McIlvaine, J. L. Whiting, D. McCoy, Taylor, F. E. Simcox, J. A. Miller, J. W.

Lowrie. Giáo sĩ người Hoa bao gồm: Giả Đình Phương, Cao Thành Trai, Lưu Đức Nguyên, Cốc Đức Ân.

Địa hạt An Giang được tách ra từ địa hạt Hoa Trung năm 1906, bao gồm các chi hội: Nam Kinh, Hoài Viễn, Nam Túc, Thọ Huyện. Từ năm 1873 đã có các giáo sĩ A. Whiting, C. Leaman đến đây truyền giáo, giáo sĩ đại diện người Hoa có: Tôn Hồng Ân, Bào Trung.

Địa hạt Hải Nam được thành lập trên cơ sở 3 chi hội là Quỳnh Châu, Na Đại và Gia Tích. Năm 1881 giáo sĩ C. C. Jeremiassen từ Quảng Châu đến Hải Nam truyền giáo, sau đó có thêm F. P. Gilman, H. M. McCandliss. Năm 1893, địa hạt Hải Nam chính thức được thành lập.

Địa hạt Hồ Nam được thành lập năm 1898 bởi hai giáo sĩ: W. H. Lingle và L. J. Doolittle. Họ lần lượt xây dựng các chi hội Thượng Đức, Tương Đàm, Hoàn Châu, Thần Châu, Đào Nguyên, Trường Sa.

Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Nam Mỹ đến Trung Quốc truyền giáo năm 1867, đến năm 1905 chia thành hai địa hạt là Hoa Trung và Tô Bắc. Địa hạt Hoa Trung bao gồm các chi hội: Hàng Châu, Tô Châu, Đồng Hương, Gia Ứng, Giang Âm, Thượng Hải, Nam Kinh. Năm 1867 Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Nam Mỹ phái giáo sĩ đến Trung Quốc xây dựng chi hội tại Hàng Châu. Các giáo sĩ truyền giáo ở địa hạt này gồm: M. H. Houston, J. S. Stuart, Du Bosc, v.v. Địa hạt Tô Bắc lần lượt có các chi hội: Trấn Giang, Thanh Giang Phố, Túc Thiên, Dư Châu, Duy An, Hải Châu, Thái Huyện, Diêm Thành, Đằng Huyện, Tế Nam, v.v.. Từ năm 1880 trở về sau có các giáo sĩ: A. Sydenstricker, S. I. Woodbredge, H. M. Wood đến truyền giáo tại địa hạt này.

Hội Thánh Tin Lành Giám Lý nước Mỹ

Năm 1844, Hội Thánh Tin Lành Giám Lý nước Mỹ phân thành hai nhánh Bắc và Nam. Ở Trung Quốc gọi nhánh phía Bắc là Hội Thánh Tin Lành Methodist Episcopal (Hội Thánh Tin Lành theo thể chế Giám mục), nhánh ở phía Nam là Hội Thánh Tin Lành Giám Lý. Cả hai hội thánh này đều phái giáo sĩ đến Trung Quốc truyền giáo.

Năm 1847, Hội Thánh Tin Lành Methodist Episcopal phái hai mục sư J. D. Collins và M. C. White đến Phúc Châu làm nghề y để truyền giáo, sau đó lần lượt xây dựng các địa hạt Phúc Châu, Hưng Hóa, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Tây. Ngoài J. D. Collins và M. C. White địa hạt Phúc Châu còn có các giáo sĩ Robert Samuel Maclay, F. Ohlinger, I. W. Wiley, Otis Gibson, Erastus Wentworth, S. L. Baldwin, Nathan Sites, v.v. Địa hạt này bao gồm các chi hội: Phúc Châu, Cổ Điển, Long Điển, Hải Dân, Mãn Thanh, Diên Bình, Khẩu Địa, Vinh An, Phúc Thanh, Ngư Khê. Địa hạt Hưng Hóa gồm các giáo sĩ N. Berwster, F. B. Owen và các chi hội: Hưng Hóa, Tiên Du, Vinh Xuân, Đức Hóa và Hàm Giang. Địa hạt Hoa Bắc gồm các chi hội: Bắc Kinh, Thiên Tân, Bảo Định, Bá Châu, Tuần Hóa, Nhiệt Hà, Thái An, Loan Châu, Sơn Hải Quan, Xương Lê, Bắc Đới Hà, Tế Nam. Các giáo sĩ truyền giáo của địa hạt này gồm: L. M. Wheeler, H. A. Lowry, Davist, W. Pilcher Leander, Pyke, Combs. Mục sư người Hoa nổi tiếng gồm có: Lý Vinh Phương, Lưu Quảng Khánh, Trình Phục Tân, Dương Phạm Lâm, Lưu Phương, Văn Vinh Thái, Vương Khánh Đông, Hàn Thâm. Địa hạt Hoa Trung bao gồm các chi hội: Cửu Giang, Trấn Giang, Ngô Hồ, Nam Kinh, Dương

Châu, Nam Xương, Thượng Hải, Ninh Quốc, Phủ Châu, Đồn Khê. Địa hạt này có các giáo sĩ: Hart, Elbert S. Todd, James Jackson, C. W. Woodall, C. F. Kupter, Clava E. Merrill, John C. Ferguson. Địa hạt Hoa Tây gồm các chi hội: Trùng Khánh, Thành Đô, Toại Ninh, Tứ Xuyên. Các giáo sĩ: Spencer Lewis, F. D. Gamewell, Beech đã từng được cử đến địa hạt này phụ trách mục vụ. Năm 1866, cuộc họp hằng năm lần thứ nhất của Hội Thánh Tin Lành Methodist Episcopal được tổ chức tại Phúc Châu. Năm 1869, giáo sĩ Kingsley đến Trung Quốc làm chủ tịch hội. Sau đó, Hội Thánh Tin Lành Methodist Episcopal ở Trung Quốc chia cuộc họp hằng năm ra tổ chức ở 3 nơi là Phúc Châu, Cửu Giang và Bắc Kinh. Đến năm 1935, Hội Thánh Tin Lành Methodist Episcopal có tất cả 8 hội nghị hằng năm tổ chức tại Phúc Châu, Hưng Hóa, Hoa Bắc, Sơn Đông, Giang Tây, Hoa Trung, Thành Đông, Diên Bình. Hội nghị trung ương của Hội này được tổ chức tại Thượng Hải.

Hội Thánh Tin Lành Giám Lí đến Trung Quốc truyền giáo năm 1848, gồm các giáo sĩ: B. Jenkins, C. Tayler, W. G. E. Cunyngham, W. R. Lambuth, J. L. Belton, Y. J. Allen, Alxin P. Parker, Lochie Rankin, E. M. Marvin, A. W. Wilson đến phát triển hoạt động truyền giáo ở Triết Giang, thành lập các chi hội: Thượng Hải, Tô Châu, Trung Giang, Hồ Châu, Thường Châu, Nam Kinh, Thường Thục, Nam Dục, Vô Tích, Hồ Trấn. Các giáo sĩ người Hoa nổi tiếng gồm: Tống Gia Thụ, Lý Trung Đàm, Tào Tuyết Canh, Triệu Tử Thần, Châu Vũ Hoa, Phạm Tử Mỹ, Sử Phong Ngạc.

Ngoài ra, còn có Hội Thánh Tin Lành Giám Lí Tôn đạo đến Trung Quốc truyền

giáo vào năm 1900, do các giáo sĩ: C. Newton Dubs, C. C. Talbott, H. E. Voss, M. E. Ritzman đến xây dựng các cơ sở truyền giáo tại: Trường Sa, Tương Đàm, Lễ Lăng, Thần Châu, Tu Huyện, Đồng Nhân.

Hội Thánh Tin Lành Tuân Li vào Trung Quốc năm 1905, do các giáo sĩ: Clara Leffing-well, F. Appleton, G. H. Scottfield đến Hà Nam truyền giáo và xây dựng các chi hội: Trịnh Châu, Vĩnh Trạch, Khai Phong, Kỷ Huyện.

Hội Thánh Tin Lành Lutheran nước Mỹ

Hội Thánh Tin Lành Lutheran nước Mỹ đến Trung Quốc truyền giáo năm 1890, thành lập Hội Thánh Tin Lành Lutheran Dự Ngạc, Hội Thánh Tin Lành Bắc Hành Đạo, Hội Thánh Tin Lành Thụy Mỹ Tôn Đạo, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Dự Trung, Hội Thánh Tin Lành Luther, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Công Lí và Hội Thánh Tin Lành Lutheran Ludong.

Đầu tiên Hội Thánh Tin Lành Lutheran nước Mỹ đến truyền giáo tại Hán Khẩu năm 1890. Năm 1917, kết hợp với Hội Thánh Tin Lành Hồng Ân ở Phần Thành và Hội Thánh Tin Lành Quang Châu ở Quang Châu, Hà Nam thành Hội Thánh Tin Lành Lutheran Dự Ngạc. Các giáo sĩ truyền giáo của Hội Thánh này gồm: S. A. Netland, O. S. Nestegaard, Daniel Nelson, H. N. Ronning và C. W. Landahl.

Hội Thánh Tin Lành Bắc Hành Đạo vào Trung Quốc năm 1890, do hai giáo sĩ P. Matson và K. r. Wallen đến Thượng Hải truyền giáo, sau đó giáo sĩ J. Sjogvist đến truyền giáo ở Phần Thành,

từ đó mở mang xây dựng các địa hạt Nam Chương, Hình Môn, Hình Châu, Hán Khẩu, Nghi Thành, Sa Thị. Năm 1909, xây dựng Viện Thần học Hình Châu. Mục sư người Hoa Trần Sùng Quốc là một trong những người phụ trách chủ yếu ở Viện Thần học này.

Hội Thánh Tin Lành Thụy Mỹ Tôn Đạo đến Trung Quốc năm 1902 thành lập các chi hội truyền giáo tại: Táo Dương (Hồ Bắc), Đồng Bạch (Hà Nam), Bình Thị Trấn và Đường Hà.

Hội Thánh Tin Lành Lutheran Dự Trung do giáo sĩ A. W. Edwins truyền vào Trung Quốc năm 1905, xây dựng các chi hội: Hứa Xương (Hà Nam), Lạc Dương, Ủy Huyện, Hiệp Huyện, Yên Sư và Nhiếp Khẩu (Hồ Bắc).

Ngoài ra, Hội Thánh Tin Lành Luther đến Trung Quốc năm 1913, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Công Lí đến Trung Quốc năm 1917, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Ludong đến Trung Quốc năm 1925. Các Hội Thánh này thành lập các địa hạt truyền giáo tại Hà Nam, Sơn Đông.

Hội Thánh Tin Lành Quaker

Hội Thánh Tin Lành Quaker nước Mỹ bắt đầu truyền giáo tại Nam Kinh năm 1887. Ban đầu đến Trung Quốc có rất nhiều nữ giáo sĩ như: H. Butler, Amanda Kirkpatrick, Lenna M. Stanley, Lucy Gaynor, Margaret Holme, Ettie E. Murray, M. Isabella French, v.v.. Năm 1899 mới bắt đầu có nam giáo sĩ vào Trung Quốc truyền giáo bao gồm: Wilbur A. Estes, Geo F. De Vol, Charles A. Matti, Charles E. De Vol, v.v. Hội Thánh này có hai địa hạt là Nam Kinh và Liêu Hợp (Giang Tô).

Hội Thánh Tin Lành Kitô Phục lâm an tức nhật

Năm 1902, giáo sĩ truyền giáo J. N. Anderson thuộc Hội Thánh Tin Lành Kitô phục lâm an tức nhật đến Trung Quốc và bắt đầu truyền giáo tại Quảng Châu. Sau đó có thêm các giáo sĩ: Erik Pilquist, H. W. Miller, W. C. Hankins, v.v. Đến năm 1934, Hội Thánh này đã xây dựng được 7 địa hạt là Hoa Nam, Hoa Trung, Hoa Đông, Hoa Bắc, Hoa Tây, Mãn Châu và Tây Bắc.

2.3. Các hội đoàn truyền giáo khác và Hội Thánh Tự lập Trung Quốc

Các Hội đoàn truyền giáo Châu Âu

Các nước Đức, Italia, Áo ở Châu Âu đều không phải các cường quốc trên biển. Giữa thế kỷ XIX, các nước này chưa thuộc vào loại "cùng hưởng lợi ích" trong các điều ước bất bình đẳng. Vì thế cho nên những năm 70 của thế kỷ XIX chỉ có 3 hội đoàn truyền giáo Tin Lành Châu Âu cử giáo sĩ đến Trung Quốc truyền giáo, lực lượng truyền giáo của họ cũng kém xa các hội đoàn truyền giáo của nước Anh và nước Mỹ.

Hội Thánh Tin Lành Lutheran bắt đầu truyền vào Trung Quốc năm 1827, khi đó giáo sĩ Karl Friedrich August Gutzlaff thuộc dòng Tin Lành Lutheran nước Đức được Hội Truyền giáo Hà Lan cử sang Phương Đông. Sau Chiến tranh Nha phiến, các hội đoàn truyền giáo Tin Lành Lutheran đến Trung Quốc truyền giáo nhiều hơn, bao gồm: Hội Ba Sắc, Hội Ba Miển và Hội Ba Lăng còn gọi là Hội Tam Ba thuộc Hội Thánh Tin Lành Lutheran nước Đức, Hội Huynh đệ Moravia, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Nam Áo, Hội Nam Hành đạo thuộc Hội Thánh Tin

Lành Lutheran Bắc Âu, Hội Thánh Tin Lành Tin Nghĩa Na Uy, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Đan Mạch, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Na Uy, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Phần Lan.

Hội Ba Sắc thuộc Hội Thánh Tin Lành Lutheran nước Đức, là tên dịch theo âm Hán của Hội Truyền giáo Phúc Âm Basel nước Đức, do hai giáo sĩ T. Hamberg và Rudolph Lechler truyền vào Trung Quốc năm 1847. Từ năm 1922 dần dần chuyển cho người Hoa phụ trách, năm 1924 đổi tên thành Hội Sùng Chân. Tổ chức cao nhất của Hội này là Tổng Hội, ở dưới có địa hạt và chi hội. Trung tâm của Hội ở Hồng Kông, truyền giáo ở khu vực từ Quảng Đông đến Phúc Kiến. Hội này đã xây dựng được 140 chi hội thuộc 17 địa hạt bao gồm: Hồng Kông, Lý Lăng, Ngũ Hoa, Nguyễn Khanh, Cổ Trúc, Quy Dừng, Lăng Khẩu, Chương Khanh Kinh, Hà Thụ Loan, Bình Đường, Hạc Thị, Hoàng Đường, Mai Lâm, Hà Nguyên, La Cương, Hòa Bình, Liên Bình.

Hội Ba Miến là tên dịch theo âm Hán của Hội Truyền giáo Barmen, sau này đổi tên thành Hội Lễ Hiến, được hai giáo sĩ H. Kuster và F. Genahr truyền vào Trung Quốc năm 1847. Lúc đầu Hội này tham gia công việc mục vụ của Hội Phúc Hán, sau đó giáo sĩ Charles Gutzlaff cử một tín hữu người Hoa là Vương Nguyễn Thâm giúp đỡ giáo sĩ F. Genahr đi truyền giáo ở các nơi thuộc tỉnh Quảng Đông, từ đó xây dựng các địa hạt: Hồng Kông, Đông Quan, Thái Bình, Phúc Vinh, Tân Đường, Kinh Bối, Đường Hạ. Năm 1872, Hội này sáp nhập với Hội Ba Lăng nhưng đến năm 1881 lại tách ra. Giáo sĩ truyền giáo nổi tiếng của Hội này còn có Ernst Faber.

Hội Ba Lăng tức là Hội Bách Lâm hay còn gọi là Hội Thánh Tin Lành Lutheran thành lập năm 1824, sau đó để ủng hộ giáo sĩ Charles Gutzlaff truyền giáo ở Trung Quốc nên thành lập Hội đoàn Ba Lăng Trung Quốc, giáo sĩ truyền giáo có: Gutzlaff và A. Hanspach. Năm 1851, Hội đoàn Ba Lăng Trung Quốc và Thư viện Nữ giới Ba Lăng đều cử người đến Trung Quốc truyền giáo, mở địa hạt tại các địa phương thuộc tỉnh Quảng Đông. Từ đó Hội Ba Lăng truyền giáo vào Thanh Đảo (Sơn Đông) năm 1898, vào Nam An (Giang Tây) năm 1903. Năm 1925 địa hạt Sơn Đông của Hội này chuyển giao cho Hội Thánh Tin Lành Lutheran Ludong nước Mỹ phụ trách. Đến năm 1934 Hội này đã thành lập được các chi hội: Quảng Châu, Đô Thành, Nam Hùng, Thủy Hưng, Thạch Giác, Huệ Châu, Thiệu Châu, Anh Đức, Tân Hội, Thanh Viễn.

Hội Huynh đệ Moravia năm 1853 định truyền giáo vào Tây Tạng qua Ấn Độ nhưng không có kết quả.

Ngoài ra, Hội Thánh Tin Lành Lutheran Nam Áo đến truyền giáo ở Bắc Hải, Quảng Đông năm 1900. Hội Nam Hành Đạo và Hội Truyền giáo Thụy Điển thuộc Hội Thánh Tin Lành Lutheran Bắc Âu vào Trung Quốc truyền giáo năm 1890, lần lượt xây dựng các chi hội ở Vũ Xương (Hồ Bắc), Nghi Xương, Sa Thị, Hoàng Châu, Kinh Châu, Giám Lợi, Kì Thủy.

Hội Thánh Tin Lành Tin nghĩa Na Uy đến Trung Quốc năm 1891, lập các chi hội tại Hà Khẩu, Cảng Thanh Sơn, Vân Dương, Quân Huyện, Phòng Huyện thuộc tỉnh Hồ Bắc và Đặng Châu, Nam Dương, Thanh Hoa Giới, Diên Bình, Nội Hương, Triết Xuyên, Lỗ Sơn thuộc tỉnh Hà Nam.

Hội Thánh Tin Lành Lutheran Đan Mạch vào Trung Quốc năm 1890, năm 1896 mở địa hạt truyền giáo Quan Đông, trước kia còn có tên là Hội Thánh Tin Lành Lutheran Quan Đông. Hội Thánh này đã xây dựng được các chi hội sau: Lữ Thuận, Đại Cồ Đầu, Tụ Nham, Phượng Hoàng Thành, An Đông, Khoan Điện, Hoàn Nhân, Đại Liên, Tuy Hóa, Cấp Nhì Tân, Thẩm Dương, Bách Đô Nạp, Trường Xuân.

Hội Thánh Luther Na Uy đến truyền giáo ở miền trung tỉnh Hồ Nam năm 1902, còn có tên là Hội Thánh Tin Lành Lutheran Tương Trung. Đến năm 1935, Hội này đã xây dựng được các chi hội: Trường Sa, Ích Dương, Ninh Hương, Đào Hoa Luân, Tân Hóa, An Hóa, Đông Bình, Nguyên Giang.

Hội Thánh Tin Lành Luther Phần Lan vào truyền giáo ở Tương Tây năm 1903, còn gọi là Hội Thánh Tin Lành Luther Tương Tây. Hội này xây dựng được các chi hội: Tân Thị, Đại Dung, Từ Lợi, Vĩnh Thuận thuộc tỉnh Hồ Nam và Nhiếp Khẩu thuộc tỉnh Hồ Bắc.

Hội Nội địa

Giáo sĩ James Hudson Taylor sáng lập ra Hội Nội địa là Hội đoàn truyền giáo các hệ phái của đạo Tin Lành. Tổng hội đóng tại Thượng Hải, có cơ sở ở Luân Đôn. Hội chỉ làm công việc phát hành, liên lạc và tiếp đãi. Năm 1934, Hội Nội địa đã xây dựng được khoảng 299 chi hội tại 16 tỉnh là: Triết Giang, Giang Tô, An Huy, Giang Tây, Hồ Bắc, Hà Nam, Hồ Nam, Sơn Tây, Thiểm Tây, Cam Túc, Tứ Xuyên, Quê Châu, Vân Nam, Sơn Đông, Hà Bắc và Tân Cương. Giáo sĩ truyền giáo của Hội này đạt 1.037 người, truyền đạo người Hoa khoảng 3.820 người⁽¹⁾. Các giáo sĩ sáng lập các địa hạt tại các tỉnh gồm có:

James Hudson Taylor, J. Meadows, J. Williamson, Jackson, Geo. Duncan, J. E. Cardwell, R. Powell, Adam Dorward, F. A. Keller, Fred K. W. Baller, George King, C. Budd, G. F. Easton, W. Wilson, J. W. Hewett, G. Clarke, J. F. Broumton, W. S. Fleming, George Parker, v.v

Hội Nội địa còn thành lập Ủy ban Tư vấn Trung Quốc do giáo sĩ James Hudson Taylor làm hội trưởng. Năm 1901 giáo sĩ D. E. Hoste làm quyền hội trưởng. Năm 1903, D. E. Hoste lên làm hội trưởng, giáo sĩ J. W. Stevenson làm phó hội trưởng. Sau đó các giáo sĩ đảm nhiệm chức hội trưởng, phó hội trưởng còn có G. W. Gibb, W. H. Wanen, v.v... Mục sư Tích Thắng Ma, tín hữu của Hội Nội địa, là một trong những mục sư nổi tiếng người Trung Quốc.

Về phương thức truyền giáo, Hội Nội địa lấy việc giới thiệu văn hóa Phương Tây, gây ảnh hưởng trong giới trí thức, phát triển giáo dục, thỏa hiệp với tôn giáo và văn hóa truyền thống của Trung Quốc để thúc đẩy việc truyền giáo, kết hợp với việc truyền giảng Phúc Âm để thu hút người theo đạo, lấy hệ thống giáo dục sơ cấp và phục vụ y tế để hỗ trợ truyền giáo nhưng không chú trọng phát triển bệnh viện và trường học quy mô lớn. Đặc điểm của phương thức truyền giáo này là chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng xã hội để phát triển tín đồ, mở rộng tầm ảnh hưởng.

Hội Nội địa không chỉ bao gồm các giáo sĩ truyền giáo đến từ các nước mà còn hình thành các hội truyền giáo trực thuộc như: Hội Nữ công nước Đức, Hội

1. Trác Tân Bình (chủ biên). *Kito giáo - Do Thái giáo chí*. Nxb. Nhân dân Thương Hải, Thương Hải. 1998. tr. 245.

Chấp sự nữ, Hội Truyền giáo tự do Phần Lan, Hội Liên minh Hoa - Đức, Hội Thánh khiết Thụy Điển, Hội Na Uy, Hội Liên minh Na - Hoa, Hội Liên minh Thụy - Hoa, v.v.

Hội Truyền đạo và Hội Kitô

Hội Truyền đạo là hội đoàn truyền giáo Tin Lành nhiều hệ phái với các giáo sĩ đến từ nhiều quốc gia, vào Trung Quốc truyền giáo năm 1888. Năm 1893, giáo sĩ James Simpson, người sáng lập ra hội này đích thân đến Trung Quốc quản lý việc truyền đạo, tiếp theo đó các giáo sĩ F. B. Brown, E. D. Chapin, B. J. Alexander, v.v. được cử đến Trung Quốc. Các giáo sĩ lần lượt xây dựng các địa hạt Hoa Trung, Hoa Tây, Hoa Nam, Hoa Bắc, Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Quý Châu và Tứ Xuyên, với tổng cộng 34 chỉ hội và 86 giáo sĩ nước ngoài đến Trung Quốc truyền giáo.

Hội Kitô đến Trung Quốc truyền giáo năm 1886, do giáo sĩ W. E. Macklin người Canada truyền vào Nam Kinh. Sau đó các giáo sĩ A. F. H. Saw, E. P. Hearnden, E. T. Williams, v. E. Meigs đến Trung Quốc truyền giáo, xây dựng các chỉ hội: Nam Kinh, Trừ Châu, Vụ Hồ, Thượng Hải, Nam Thông, Lư Châu. Hội này đã từng truyền giáo vào Tây Tạng, tổng cộng có 16 điểm nhóm truyền giáo. Đến thời điểm năm 1935 số giáo sĩ đến Trung Quốc truyền giáo của hội này đã đạt đến con số 88 người.

Hội Liên hiệp các hệ phái Tin Lành đến Trung Quốc truyền giáo

Từ thế kỷ XX trở về sau, các hệ phái Tin Lành đến Trung Quốc truyền giáo bắt đầu hình thành cuộc vận động liên hiệp các hệ phái. Sự liên hiệp này bắt đầu từ sự hợp tác hoặc hợp nhất các hội

thánh trong cùng một hệ phái, sau đó dần dần tiến đến sự liên hiệp và phối hợp nhịp nhàng giữa các hệ phái Tin Lành.

Về mặt liên hiệp các hội thánh trong cùng một hệ phái, năm 1912 các hội đoàn truyền giáo thuộc Giáo hội Anh giáo trên toàn lãnh thổ Trung Quốc đã tiến hành đại hội tại Thượng Hải, từ đó hợp thành Tổng hội Tin Lành Anh giáo Trung Quốc và Bộ Truyền giáo Tin Lành Anh giáo Trung Quốc. Thành viên của Tổng hội này bao gồm các hội đoàn truyền giáo cùng hệ phái như: Hội Hành giáo nước Anh tại Trung Quốc, Hội Hành giáo nước Mỹ, Giáo hội Anh giáo Anh Hoa Bắc, Giáo hội Anh giáo Canada, v.v. .

Các hội đoàn truyền giáo thuộc Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão bắt đầu xúc tiến việc liên hiệp các hội thánh từ năm 1901 nhưng đến năm 1916 mới thành lập Hội Liên hiệp Tin Lành Trưởng Lão Trung Quốc. Sau đó đại bộ phận Hội Thánh Tin Lành thuộc hội liên hiệp này lại liên hợp với Hội Luân Đôn nước Anh và một số đoàn truyền giáo khác thành Hội Kitô giáo Trung Hoa. Thành viên của Hội này bao gồm 16 Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão các nước như Anh, Mỹ, Canada, Australia, New Zealand đến truyền giáo ở Trung Quốc, không lâu sau lại có thêm 3 hội đoàn truyền giáo nhập vào Hội Kitô giáo Trung Hoa. Về hệ phái, các hội đoàn này trước tiên thuộc Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão, thứ đến là thuộc Giáo hội Anh giáo, ngoài ra còn có hội đoàn thuộc hệ phái Tin Lành Baptist và Hội Thánh Tin Lành Giám Lý. Tuy nhiên về hình thức, các thành viên tham gia Hội Kitô giáo Trung Hoa đều đồng ý sử dụng giáo luật của Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão.

Năm 1920, các hội đoàn truyền giáo Tin Lành Lutheran tiến hành Đại hội Hội Thánh Tin Lành Lutheran Trung Hoa, số người tham gia chiếm 2/3 tổng số tín đồ Tin Lành Lutheran trên toàn quốc. Ngoài ra, năm 1939 Hội Thánh Tin Lành Giám Lí, Hội Thánh Tin Lành Methodist Episcopal cũng liên hợp thành Công Hội Giám Lí.

Đồng thời với việc các hội đoàn truyền giáo của các hệ phái Tin Lành đi theo hướng liên hiệp lại với nhau thì ở Trung Quốc cũng xuất hiện các tổ chức Tin Lành và các hội đoàn truyền giáo liên hiệp các hệ phái Tin Lành trên toàn quốc. Ngay từ năm 1876, Hội Thanh niên Tin Lành thuộc các đoàn thể phục vụ xã hội và hoạt động của thanh niên theo đạo Tin Lành đã được thành lập tại Thượng Hải. Năm 1910, Thượng Hải được xác định là trung tâm Hội Thanh niên Tin Lành toàn quốc. Tại Hội nghị ở Bắc Kinh năm 1912 Hội Thanh niên chính thức xác định tên là Hội Liên hiệp toàn quốc Hội Thanh niên Tin Lành Trung Hoa. Phụ trách hội này có 87 người Trung Quốc và 95 người quốc tịch nước ngoài thuộc các hệ phái Tin Lành như: Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Bắc Mỹ, Hội Thánh Tin Lành Công Lí nước Mỹ, Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão và Hội Mỹ đạo Canada, Hội Thánh Tin Lành Baptist nước Anh, Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Ireland, Hội Thánh Tin Lành Luther Na Uy, Hội Thánh Tin Lành Luther Đan Mạch. Năm 1890 Hội Nữ thanh niên Tin Lành được truyền vào Trung Quốc. Đến năm 1920 Hội Nữ thanh niên Tin Lành đã có 8.414 thành viên. Khi đó, trong 126 người phụ trách công việc mục vụ có 84 người là người nước ngoài thuộc các hội đoàn truyền giáo của các

nước như: Anh, Mỹ, Canada, Australia, Thụy Điển, v.v. Tại Hội nghị ở Hàng Châu năm 1923, Hội Liên hiệp toàn quốc Hội Nữ thanh niên Tin Lành Trung Hoa chính thức thành lập, trụ sở hội đóng tại Thượng Hải.

Ngoài ra, năm 1877, Dịch Khảo Văn, Lâm Nhạc Trí và một số người khác đã thành lập Ủy ban Trường học và Sách giáo khoa tại Thượng Hải. Sau cách mạng Tân Hợi, ủy ban này đổi tên thành Hội Giáo dục Tin Lành Trung Hoa, hoàn thành cơ cấu giáo dục mang tính toàn quốc của đạo Tin Lành. Năm 1913, giáo sĩ John R. Mott đến Thượng Hải chủ trì Đại hội Tin Lành toàn quốc, bàn về vấn đề xây dựng cơ cấu hợp tác của đạo Tin Lành. Đại hội đã thành lập cơ cấu trụ bị do mục sư Thành Tĩnh Thái làm chủ nhiệm. Đại hội Tin Lành toàn quốc năm 1922 chính thức thành lập Hiệp hội Tin Lành Trung Quốc. Từ đó cơ cấu Tin Lành mang tính toàn quốc tại Trung Quốc bắt đầu phát huy tác dụng lãnh đạo và hài hòa các hệ phái Tin Lành trên toàn quốc.

Hội Thánh Tin Lành Tự lập Trung Quốc

Hội Thánh Tin Lành Tự lập là sản phẩm của phong trào Tự lập của đạo Tin Lành ở Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Trong quá trình liên hợp các hội đoàn truyền giáo Tin Lành đến Trung Quốc truyền giáo, rất nhiều hội thánh "Trung Quốc" hoặc "Trung Hoa" được sinh ra. Trong những hội thánh này có những hội thánh vẫn quan hệ trực thuộc về mặt tổ chức và liên hệ mật thiết với hội đoàn truyền giáo mẫu quốc ở nước ngoài, nhưng cũng có một số hội thánh không có quan hệ gì với nước ngoài, tức là hoàn toàn độc lập tự chủ,

tách ra khỏi hội đoàn truyền giáo sáng lập ra mình. Về mặt đối ngoại các hội thánh tự lập có quan điểm khác nhau.

Trước tiên, quan hệ với hội thánh truyền giáo mẫu quốc có 2 loại: Một loại giữ nguyên thể chế và tín ngưỡng vốn có, nhưng đã đoạn tuyệt mọi quan hệ với hội thánh mẫu quốc như Hội Thánh Tự lập Triết Giang (trước thuộc Hội Thánh Nội địa), Hội Thánh Tự lập Phúc Kiến (trước thuộc Giáo hội Anh giáo nước Anh) và Hội Thánh Tự lập Thiểm Tây (trước thuộc Hội Thánh Tin Lành Thụy Hoa). Loại thứ hai nhấn mạnh tự dưỡng, tự trị nhưng vẫn giữ quan hệ tốt với hội thánh mẫu quốc và giúp đỡ lẫn nhau, tức là đã thoát khỏi sự ràng buộc về mặt tổ chức và giáo luật của hội đoàn truyền giáo nước ngoài, để cao tinh thần Trung Quốc. Hội Thánh Tự lập loại này bao gồm các Hội Thánh Tự lập Bắc Kinh, Thiên Tân, Tế Nam, Thanh Đảo và Yên Thái thuộc Hội Liên hiệp Hội Thánh Tin Lành Hoa Bắc Trung Hoa.

Thứ đến, quan hệ giữa các hội thánh tự lập có 2 loại. Một loại không những không có bất cứ quan hệ nào với Hội Truyền giáo mẫu quốc mà còn không có quan hệ gì với các hội thánh tự lập trong nước, không tham gia bất cứ tổ chức liên hiệp và đoàn thể nào, như các hội thánh tự lập để cao tính độc lập của mình xuất hiện ở vùng duyên hải Quảng Đông và Hồ Bắc. Loại còn lại không liên lạc với hội truyền giáo mẫu quốc nữa mà tự kết hợp lại với nhau thành Hội Liên hiệp các Hội Thánh Tự lập, như Tổng hội Toàn quốc Hội Thánh Tự lập Trung Hoa do mục sư Du Quốc Trinh làm hội trưởng. Tổng hội này có 120 thành viên đại diện cho 189 hội thánh thuộc 16 tỉnh thành trên toàn Trung Quốc.

Tiếp theo, đặc trưng hệ phái của các hội thánh tự lập chia làm 3 loại. Loại thứ nhất ở trong trạng thái tự lập nhưng vẫn giữ nguyên toàn bộ đặc trưng hệ phái của hội thánh truyền giáo gốc. Loại thứ hai lại vứt bỏ đặc trưng hệ phái vốn có rồi kết hợp một số đặc trưng của vài hệ phái thành một hội thánh dung hợp mới. Loại thứ ba thì bỏ một chút giữ một chút và sửa đổi một chút những đặc trưng vốn có của mình.

Cuối cùng, cơ cấu tổ chức của các hội thánh tự lập có hai xu hướng. Xu hướng thứ nhất tổ chức đầy đủ giống hệt như hội thánh chủ lưu truyền thống, xây dựng một cơ cấu tầng lớp và thể chế hội thánh hoàn thiện. Xu hướng thứ hai không có mô thức tổ chức và hình thức quản lý hội thánh cố định, hình thành từng nhóm nhỏ tín hữu Tin Lành mang tính phân tán, lưu động và tùy ý. Loại hội thánh tự lập này đa nguyên phân hóa, cấu thành một mặt quan trọng trong việc phát triển Hội Thánh Tin Lành Trung Quốc hiện đại.

Các hội thánh tự lập Trung Quốc có ảnh hưởng tương đối lớn bao gồm: Hội Thánh Tự lập Tin Lành Trưởng Lão Quảng Châu thành lập năm 1881, Hội Thánh Tin Lành Thanh Đảo Trung Hoa và Hội Thánh Tin Lành Tế Nam Trung Hoa thành lập năm 1902, Hội Thánh Tự lập Baptist Hưng Hóa Quảng Châu và Hội Thánh Tin Lành Bắc Kinh Trung Hoa thành lập năm 1903, Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Tự lập Sạp Bắc, Thượng Hải thành lập năm 1906, Hội Thánh Tin Lành Thiên Tân Trung Hoa thành lập năm 1911, Hội Thánh Tự lập Trung Gia Sơn Đông Đãng Châu Phủ thành lập năm 1914 và Hội Thánh Tin

Lành Yên Thái Trung Hoa thành lập năm 1919, v.v.. Các hội thánh tự lập này còn xuất bản báo chí của riêng mình như "Thánh báo" của Hội Thánh Tự lập Thượng Hải, "Tự lập" của Hội Thánh Tự lập Quảng Châu và "Quý báo Hội Thánh Tin Lành Sơn Đông Trung Hoa" của Hội Thánh Tự lập Tế Nam.

3. Một vài nhận xét

Thời kì đầu khi mới truyền giáo vào Trung Quốc, đạo Tin Lành bị triều đình nhà Thanh ngăn cản, hơn nữa đạo Tin Lành là tôn giáo hoàn toàn xa lạ đối với văn hóa truyền thống của người Trung Quốc nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc truyền giáo. Đa số các giáo sĩ truyền giáo đầu tiên của đạo Tin Lành muốn phải xây dựng cơ sở tại các vùng lân cận tiếp giáp với Trung Quốc đại lục như Malacca, Ma Cao hoặc Hồng Kông. Tiếp theo, các giáo sĩ phải nhờ vào danh nghĩa của các công ti thương mại hoặc các cơ quan ngoại giao đại diện các nước để vào Trung Quốc. Thời kì này để mở được cánh cửa vào Trung Quốc các giáo sĩ truyền giáo đóng vai trò kiêm nhiệm trong các trường hợp khác nhau, một mặt phục vụ hội thánh Tin Lành, mặt khác lại là cánh tay đắc lực phục vụ cho hoạt động xâm lược Trung Quốc của chủ nghĩa thực dân. Một số giáo sĩ muốn dựa vào thế lực của thực dân để truyền giáo, vì vậy họ tận dụng ưu thế về ngôn ngữ và sự thông thạo tình hình Trung Quốc của mình để trực tiếp tham gia vào chiến tranh xâm lược Trung Quốc, diễn thuyết để chính phủ nước họ thực hiện chính sách cứng rắn, dùng vũ lực chinh phục Trung Quốc và tham gia tích cực vào kí kết các "điều ước bất bình đẳng" mà diễn

hành là các giáo sĩ Charles Gutzlaff, Elijah Coleman Bridgeman, Peter Parker, John Rober Morrison, v.v..

Sau khi hai cuộc Chiến tranh Nha phiến năm 1840 và 1860 kết thúc, hàng loạt các "điều ước bất bình đẳng" được kí kết, dưới sự bảo hộ Kitô giáo được quy định trong các điều ước bất bình đẳng, các giáo đoàn truyền giáo bắt đầu cử rất nhiều giáo sĩ đến Trung Quốc. Theo thống kê, thời kì trước khi xảy ra Chiến tranh Nha phiến chỉ có không đầy 10 hệ phái Tin Lành đến Trung Quốc truyền giáo, giáo sĩ truyền giáo chỉ có khoảng 20 người. Sau Chiến tranh Nha phiến, các hệ phái, hội đoàn truyền giáo nhanh chóng tăng lên con số hơn 130. Số giáo sĩ truyền giáo đến Trung Quốc năm 1845 tăng lên 31 người, năm 1848 là 66 người, năm 1855 là 75 người, năm 1858 là 81 người, năm 1860 là 100 người, năm 1864 là 198 người, năm 1876 là 473 người, năm 1889 là 1.296 người, đến cuối thế kỉ XIX số giáo sĩ truyền giáo đến Trung Quốc đã tăng lên 1.500 người. Số tín đồ cũng tăng từ 2.000 người năm 1860 lên hơn 80.000 người⁽²⁾.

Thời kì trước Chiến tranh Nha phiến, hoạt động truyền giáo tấp mạt, các giáo sĩ truyền giáo đa số hoạt động quanh khu vực duyên hải Trung Quốc và khu vực giữa vùng biển phía nam và Malacca, chưa hình thành quy mô, nhưng sau Chiến tranh Nha phiến đã có những thay đổi cơ bản mang tính cục diện, các hội đoàn truyền giáo thuộc các hệ phái chủ lưu của đạo Tin Lành đều có mặt ở Trung Quốc mở rộng hoạt động truyền

2. Trác Tân Bình (chủ biên). *Kiến thức cơ sở về Kitô giáo Trung Quốc*. Nxb. Văn hóa Tôn giáo, Bắc Kinh, 1999, tr. 63.

giáo, xây dựng cơ sở truyền giáo một cách quy mô và có hệ thống. Thời kì đầu chỉ có giáo sĩ truyền giáo đến từ nước Anh và nước Mỹ đến thời kì này đã có rất nhiều giáo sĩ có quốc tịch từ nhiều nước Châu Âu khác. Thời kì này, đạo Tin Lành đi theo chủ nghĩa thực dân vào Trung Quốc nên lực lượng truyền giáo tuy có thành phần đến từ nhiều quốc gia nhưng chủ yếu vẫn là các hội đoàn truyền giáo của nước Anh và nước Mỹ, hai cường quốc thực dân có thế lực mạnh nhất ở Trung Quốc lúc đó, đồng thời do phát triển đạo dưới sự bảo trợ của chủ nghĩa thực dân nên đạo Tin Lành chủ yếu phát triển mạnh nhất ở vùng duyên hải trực thuộc các khu tô giới do chính quyền thực dân quản lí. So với thời kì trước Chiến tranh Nha phiến, lực lượng truyền giáo của đạo Tin Lành đã phát triển rất nhiều, các giáo sĩ truyền giáo truyền bá văn hóa Phương Tây thông qua các lĩnh vực giáo dục, y học, xuất bản, nên ảnh hưởng của đạo Tin Lành dần được mở rộng. Nhưng mối quan hệ của giáo sĩ với thực dân, sự khác biệt về văn hóa Đông - Tây, thái độ đứng trên cao nhìn xuống, di khai phá, mang văn minh đến cho những miền đất chưa phát triển và cảm giác ưu việt của văn hóa Phương Tây luôn hình thành xung đột với cuộc đấu tranh chống đế quốc của nhân dân Trung Quốc. Điều này khiến cho những tín đồ yêu nước của đạo Tin

Lành ở Trung Quốc phải trải trở về hoàn cảnh của đạo Tin Lành ở xã hội Trung Quốc và bắt đầu cuộc vận động tự lập, bản địa hóa hội thánh.

Năm 1949, sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, được sự khuyến khích của Chính phủ Trung Quốc, đạo Tin Lành đã vận động xây dựng Phong trào Yêu nước Tam tự, thực hiện tự trị, tự dưỡng, tự truyền. Về hình thức thì tổ chức này được thành lập dựa trên nguyên tắc tam tự của đạo Tin Lành nhưng về bản chất thì có sự khác biệt. Đạo Tin Lành khuyến khích hội thánh địa phương chủ động tách ra tự lập khi có đủ năng lực để tự phát triển không cần sự bảo trợ của hội thánh mẫu quốc nhưng vẫn quan hệ với hội thánh mẫu quốc trên cơ sở giao lưu và giúp đỡ lẫn nhau còn Phong trào Tam tự ở Trung Quốc thực chất là một tổ chức yêu nước hoạt động chủ yếu phục vụ mục đích chính trị với xu hướng đoàn kết quần chúng tín đồ của tất cả các hệ phái Tin Lành có mặt ở Trung Quốc và đoạn tuyệt hoàn toàn với nước ngoài. Thời kì này các giáo đoàn truyền giáo nước ngoài đã rút khỏi Trung Quốc, lực lượng truyền giáo chủ yếu là người Trung Quốc. Tại thời điểm đó Phong trào Tam tự đã phát huy tác dụng của nó và mở ra một thời kì phát triển mới của đạo Tin Lành ở Trung Quốc./